TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2022/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 10 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995

HKTT: thôn X, xã N, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- *Bị đơn.* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994

Trú tại: thôn X, xã N, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Nguyễn An N, sinh ngày 19/10/2017

Đại diện hợp pháp của cháu N: chị N

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/11/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị N chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn An N, sinh năm 2017 cho đến khi thành niên. Anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con

chung cho chị N. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức : chị N, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: chị N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004245 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Hoàn trả chị N 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã N (ĐKKH số 38 ngày 08/9/2016);
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu HS.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Thuỷ